

SỰ HỢP TÁC TRONG TƯƠNG HỢP TÂM LÝ GIỮA CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN CẤP PHÂN ĐỘI

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Ngày nhận bài: 18/09/2016; ngày sửa chữa: 26/09/2016; ngày duyệt đăng: 27/09/2016.

Abstract: The article presents results of a research carried out on 597 first-year to forth-year cadets and their 54 commanders at Military Science Academy, Military Technical Academy and The number 1 Infantry Officer School. Varied research methods are applied including questionnaire, observation, in-depth interview, social survey, data analysis. The research results show that the cooperation between cadets and their commanders stays at low and average level, the characteristics of activities vary so the collaboration is also different and increases by school year. There is no difference in cooperation level between the schools.

Keywords: Cooperation, collaboration, psychological mutuality, commanders, cadets.

1. Đặt vấn đề

Tương hợp tâm lý (THTL) giữa cán bộ quản lý (CBQL) và học viên (HV) đào tạo sĩ quan cấp phân đội là sự hòa hợp, thích ứng và phối hợp tối ưu các đặc điểm tâm lý cá nhân để tạo ra sự thống nhất giữa CBQL và HV dựa trên sự hiểu biết, đồng cảm và hợp tác (HT) lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện tại nhà trường quân đội.

HT trong THTL là sự phối hợp, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình cùng thực hiện một hoạt động nào đó, từ đó tạo ra tính đồng bộ, thống nhất và đạt hiệu quả cao trong hoạt động chung. Để HT đạt kết quả cao, trước hết, các thành viên trong nhóm phải thống nhất về quan điểm, được xây dựng trên cơ sở thống nhất về định hướng giá trị, nhu cầu, động cơ, mục đích hoạt động. Do đó, nội dung của HT trong THTL được biểu hiện ở sự thống nhất động cơ hoạt động, mục đích hoạt động; sự “ăn ý” trong thao tác hành động và ý thức được trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với công việc được giao và nhiệm vụ chung của nhóm.

Quá trình HT với nhau trong các hoạt động, mức độ tham gia của các thành viên càng cao, các ý kiến đưa ra đa dạng thì hiệu quả hoạt động càng cao. Chính vì vậy, HT là một nhân tố quan trọng trong giao tiếp, tương tác giữa các cá nhân nói chung và giữa CBQL với HV trong nhà trường quân đội nói riêng. Vì HT trong THTL giữa CBQL và HV sẽ tạo điều kiện phát huy cao nhất vai trò của tập thể và cá nhân trong quá trình đạo tại các trường quân sự, làm cho chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao, đáp ứng

xây dựng quân đội trong tình hình mới. Trong thực tiễn, hiệu quả quản lý và giáo dục HV phụ thuộc rất lớn vào HT trong THTL giữa CBQL và HV trong quá trình đào tạo sĩ quan. Nhiều trường hợp, khi CBQL và HV “tâm đầu ý hợp” với nhau thì quan hệ giữa họ trở nên gần gũi, thân mật, khoảng cách được rút ngắn; giúp cho công tác quản lý HV của CBQL trở nên thuận lợi và dễ dàng hơn, được HV tiếp nhận các nội quy, quy định trong nhà trường quân đội một cách tự giác và chấp hành nghiêm các quy định đã đề ra. Tìm hiểu về thực trạng HT trong THTL giữa CBQL với HV đào tạo sĩ quan quân đội là một nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp và khách thể nghiên cứu:

- Chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp như: điều tra bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn sâu, trắc đặc xã hội, xử lý số liệu; - Nghiên cứu tiến hành trên khách thể là 597 HV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư và 54 CBQL số HV này của các trường: Học viện Khoa học Quân sự (HVKHQs), Học viện Kỹ thuật Quân sự (HVKTQS), Trường Sĩ quan Lục quân 1 (SQLQ1). Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 2-7/2014.

2.2. Thực trạng HT trong THTL giữa CBQL và HV đào tạo sĩ quan quân đội

Chúng tôi sử dụng thang 5 bậc (5 mức) để định mức các tiêu chí theo quy ước: *Mức 5*: Cao (4,5-5,0 điểm); *Mức 4*: Trên trung bình (3,8-4,4 điểm); *Mức 3*:

* Học viện Khoa học Quân sự

Trung bình (3,1-3,75 điểm); *Mức 2*: Dưới trung bình (2,3-3,0 điểm); *Mức 1*: Thấp (1,0-2,2 điểm).

2.2.1. Xét chung (bảng 1, 2)

Bảng 1. Đánh giá của HV về sự HT trong THTL giữa CBQL và HV

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tỉ lệ % các mức độ				
			1	2	3	4	5
Sinh hoạt hằng ngày	2,81	0,82	6,5	40,5	24,8	21,9	6,3
Hoạt động rèn luyện kỉ luật	2,34	0,76	11,5	56,3	18,8	13,4	0
Hoạt động học tập	2,48	0,78	18,2	26,9	42,9	11,9	0
Hoạt động ngoại khóa	2,85	0,84	0,8	36,5	43,2	14,7	4,8
Trung bình	2,62	0,8	9,2	40	32,4	15,5	2,7

Ghi chú: ĐTB: điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn

Bảng 1 cho thấy, HT giữa CBQL và HV theo đánh giá của HV chủ yếu ở 3 mức: *dưới trung bình, trung bình và trên trung bình*; mức độ thấp và cao chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (trung bình lần lượt là 9,2% và 2,7%). Xét tương quan giữa các hoạt động cho thấy, *hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt hằng ngày* có mức độ HT tương đối cao (ĐTB lần lượt là 2,81 và 2,85). Điều này cũng được phản ánh cụ thể qua tỉ lệ %, *hoạt động ngoại khóa* ở mức rất cao là 4,8%; mức trên trung bình là 14,7%; mức trung bình là 43,2%; 37,3% còn lại là mức dưới trung bình; *sinh hoạt hằng ngày* ở mức cao là 6,3%; mức trên trung bình là 21,9%, mức trung bình là 24,8%; còn lại 47% đánh giá mức độ dưới trung bình.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL về sự HT trong THTL giữa CBQL và HV

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tỉ lệ % các mức độ				
			1	2	3	4	5
Sinh hoạt hằng ngày	2,79	0,67	10,2	28,1	37,3	20,6	4,0
Hoạt động rèn luyện kỉ luật	2,67	0,72	2,0	56,3	18,8	18,1	4,8
Hoạt động học tập	2,56	0,73	15,4	26,9	42,9	14,7	0
Hoạt động ngoại khóa	2,8	0,65	1,5	36,1	44,9	14,7	2,7
Trung bình	2,7	0,69	7,3	36,8	36	17,0	2,9

Bảng 2 cho thấy, HT giữa CBQL và HV theo đánh giá của CBQL chủ yếu ở ba mức độ: *dưới trung bình, trung bình và trên trung bình*, tỉ lệ này chiếm từ 84,5% đến 95,7% ở các hoạt động; các hoạt động được đánh giá ở mức độ cao chiếm tỉ lệ không đáng kể (từ 2,7-4,8%) và ở mức độ thấp chỉ chiếm từ 1,5-

15,4%. Xem xét từng biểu hiện trên thang đo, có sự đồng đều về mức độ các hoạt động theo đánh giá của CBQL, cụ thể: *hoạt động ngoại khóa* có 44,9% CBQL

đánh giá ở mức trung bình, tương đương với *hoạt động học tập* có 42,9% CBQL đánh giá ở mức độ này. Giống với sự đánh giá của HV, CBQL cũng đánh giá *hoạt động ngoại khóa* và *sinh hoạt hằng ngày* ở mức độ cao hơn so với các hoạt động khác.

Thực hiện phép kiểm định sự khác biệt về HT trong THTL giữa HV và CBQL ở các trường cho kết quả $t = 1,24 < t_{\alpha} = 2,145$; sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê, qua đó

khẳng định, ít có sự khác biệt giữa đánh giá của HV và CBQL.

Từ bảng 1 và 2, có thể rút ra một số nhận xét sau: Các hoạt động mang tính chất khác nhau nên mức độ HT giữa CBQL và HV cũng khác nhau. *Hoạt động rèn luyện kỉ luật* và *hoạt động học tập* mang tính chất bắt buộc “khô cứng” nên việc hình thành mối quan hệ giữa CBQL và HV không được quan tâm thỏa đáng về khía cạnh tâm lí; các tổ học tập và phân công CBQL được hình thành một cách cơ học bằng cách phân chia theo danh sách, không tính đến quan hệ cảm xúc giữa các thành viên; nhiều tình huống do sự sắp xếp phân công giữa CBQL và HV đã không tìm được tiếng nói chung nên hiệu quả của hai hoạt động này cũng như duy trì sự HT không như mong muốn. Sở dĩ có sự đánh giá cao ở *hoạt động ngoại khóa* và *sinh hoạt hằng ngày* là vì hai hoạt động này mang tính thoải mái, phát huy được tính chủ động của mỗi cá nhân, không có sự dàn xếp hay sắp đặt nào; do đó, cả CBQL và HV hoàn toàn có quyền lựa chọn cho mình những đối tác “ăn ý” để cùng HT với nhau; không khí ở các hoạt động này diễn ra rất thoải mái, vui vẻ, hài hòa và mỗi cá nhân đều cảm thấy hài lòng khi HT với nhau. Qua quan sát, phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận thấy, sự trao đổi

thông tin trong các hoạt động giữa CBQL và HV rất ít, các cá nhân không hề quan tâm đến nhau, vì vậy sự hiểu biết về nhau trong các hoạt động rất hạn chế, điều này không chỉ do HV mà còn do cả CBQL chưa thực sự tích cực, chủ động HT với HV trong một số hoạt động, chưa xóa bỏ được rào cản tâm lí, thiết lập

Bảng 3. Đánh giá sự HT trong THPT giữa CBQL và HV (năm thứ 1 và 2)

STT	Nội dung	CBQL đánh giá sự HT của họ với HV					HV đánh giá sự HT của họ với CBQL								
		ĐTB	ĐLC	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC	Mức độ (%)				
				1	2	3	4	5			1	2	3	4	5
1	Sinh hoạt hằng ngày	2,72	0,68	7,5	39,8	27,4	23,4	1,8	2,69	0,84	0	41,3	47,7	10,9	1,2
2	Rèn luyện kỉ luật	2,69	0,76	0	57,7	20,1	17,0	5,2	2,16	0,76	19,4	46,5	32,2	1,8	0
3	Hoạt động học tập	2,67	0,81	4,8	43,5	34,0	14,3	3,3	2,67	0,69	8,2	37,7	32,5	21,5	0
4	Hoạt động ngoại khóa	2,76	0,65	10,6	24,0	46,2	16,7	2,4	2,74	0,75	4,9	37,7	40,1	12,7	4,5
Trung bình		2,71	0,72	5,7	41,2	31,9	17,8	3,2	2,56	0,76	8,1	40,8	38,1	11,7	1,4

Bảng 4. Đánh giá sự HT trong THPT giữa CBQL và HV (năm thứ 3 và 4)

STT	Nội dung	CBQL đánh giá sự HT của họ với HV					HV đánh giá sự HT của họ với CBQL								
		ĐTB	ĐLC	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC	Mức độ (%)				
				1	2	3	4	5			1	2	3	4	5
1	Sinh hoạt hằng ngày	2,86	0,76	4,5	32,8	42,2	13,3	7,8	2,93	0,75	0	33,2	47,0	13	6,7
2	Rèn luyện kỉ luật	2,65	0,74	1,1	56,3	20,9	19,4	2,2	2,52	0,74	4,5	48,1	37,7	9,7	0
3	Hoạt động học tập	2,45	0,82	7,8	45,1	40,7	6,3	0	2,3	0,8	14,5	43,6	38,4	3,3	0
4	Hoạt động ngoại khóa	2,84	0,76	6,0	32,1	38,4	18,6	4,8	2,96	0,77	0	33,9	42,9	16,0	7,1
Trung bình		2,7	0,77	4,8	41,6	35,5	14,4	3,7	2,67	0,76	4,7	39,7	41,5	10,5	3,4

mối quan hệ qua lại giữa CBQL và HV một cách thoải mái; chưa thực sự cởi mở thân thiện trong giao tiếp với HV... Hơn nữa, CBQL phải quản lí cùng một lúc nhiều HV nên không đủ thời gian để quan tâm đi sâu vào tâm lí của từng HV.

thì có những hoạt động của năm thứ 3 và 4 tốt hơn năm thứ 1 và 2. Ví dụ: Đối với *Hoạt động rèn luyện kỉ luật*, ĐTB của HV năm thứ 1 và 2 là 2,16; lên năm thứ 3 và 4 là 2,52; đối với *Hoạt động ngoại khóa*, ĐTB của năm 1 và 2 là 2,76 (CBQL đánh giá), 2,74 (HV đánh

2.2.2. Xét theo năm học (bảng 3, 4)

Bảng 3 và 4 cho thấy, sự HT giữa CBQL và HV ở các hoạt động đều nằm ở mức độ dưới trung bình. Kết quả này thống nhất với kết quả thực trạng chung. Tuy nhiên, quan sát thấy có sự khác biệt nhất định giữa các năm học, chúng tôi tiến hành kiểm định T- test theo từng cặp khối (năm 1, năm 2, năm 3, năm 4), kết quả tìm được sig, = 0,032 < 0,05 (có ý nghĩa về mặt thống kê), qua đó khẳng định sự khác biệt này là đáng tin cậy. Khi so sánh ĐTB chung cũng như ĐTB của từng tiêu chí trên thang đo thì có sự chênh lệch giữa các năm; điều này cho thấy, càng về những năm cuối của khóa học - khi cả CBQL và HV có thời gian tiếp xúc với nhau nhiều hơn, hiểu rõ nhau nhiều hơn thì sự HT với nhau là tốt hơn. Khi HV đã có thời gian để thích ứng với các hoạt động trong quá trình học tập tại trường thì sự HT với CBQL sẽ trở nên chặt chẽ hơn, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Nếu xét từng hoạt động trong thang đo HT giữa CBQL và HV

giá); năm 3 và 4 tăng lên là 2,84 (CBQL đánh giá), 2,96 (HV đánh giá).

2.2.3. Xét theo trường (xem bảng 5)

Bảng 5. Mức độ HT trong THPT giữa CBQL và HV theo trường đào tạo

Nội dung	ĐTB theo trường					
	SQLQ1		HVKTQS		HVKHQS	
	CBQL	HV	CBQL	HV	CBQL	HV
Sinh hoạt hằng ngày	2,72	2,71	2,8	2,83	2,85	2,89
Rèn luyện kĩ luật	2,69	2,58	2,66	2,21	2,68	2,24
Hoạt động học tập	2,6	2,59	2,57	2,38	2,51	2,49
Hoạt động ngoại khóa	2,68	2,74	2,84	2,87	2,89	2,95
Chung	2,67	2,65	2,71	2,57	2,73	2,64

Bảng 5 cho thấy, sự HT trong THPT giữa CBQL và HV đào tạo sĩ quan cấp phân đội thuộc các trường đều ở mức độ dưới trung bình, với sự chênh lệch về điểm số giữa các hoạt động rất nhỏ. Không có sự khác biệt đáng kể giữa các trường, cụ thể: ĐTB trường SQLQ1 ở CBQL đánh giá là 2,67; HV đánh giá là 2,65; HVKTQS ở CBQL đánh giá là 2,71; HV đánh giá là 2,57 và HVKHQS ở CBQL đánh giá là 2,73; HV đánh giá là 2,64. Do vậy, yếu tố trường không tạo ra sự khác biệt về sự HT trong THPT giữa CBQL và HV đào tạo sĩ quan cấp phân đội, mà vấn đề nằm trong chính bản thân việc tổ chức các hoạt động, hoạt động của các trường không có sự khác biệt nổi bật.

Từ kết quả nghiên cứu trên, có thể khẳng định: mức độ HT giữa CBQL và HV đào tạo sĩ quan cấp phân đội chủ yếu ở mức trung bình và thấp; các hoạt động mang tích chất khác nhau nên mức độ HT giữa CBQL và HV cũng khác nhau; sự HT tăng theo năm học, không có sự khác biệt về mức độ HT giữa các trường. Chính vì vậy, nhà trường quân đội cần tăng cường các hoạt động chung giữa CBQL và HV thông qua các hoạt động sinh hoạt, học tập, nghiên cứu các chuyên đề, tập huấn định kì hằng năm. CBQL cần tận dụng thời gian rảnh rỗi để gần gũi tâm sự với HV, quan tâm giúp đỡ và khuyến khích HV chia sẻ. HV cần nêu cao ý thức chấp hành, phục tùng mệnh lệnh của người chỉ huy, duy trì kỉ luật và phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với CBQL trong các công việc chuyên môn. □

Tài liệu tham khảo

[1] Barry. P.Smith - Harold. J. Vetter (2005). *Các học thuyết về nhân cách*. NXB Văn hoá Thông tin.

[2] Hoàng Đình Châu (1998). *Những vấn đề cơ bản của Tâm lí học Xã hội, Tâm lí học tập thể cơ sở quân nhân, Tâm lí học quân sự*. NXB Quân đội Nhân dân.

[3] Nguyễn Ngọc Phú (1998) (chủ biên). *Tâm lí học quân sự*. NXB Quân đội Nhân dân.

[4] Sramtrenco A. Ph (1982). *Những vấn đề tâm lí trong chỉ huy bộ đội*. NXB Quân đội Nhân dân.

[5] Nguyễn Văn Tài (2002). *Giải quyết mối quan hệ giữa dân chủ và kỉ luật nhằm phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ trong xây dựng quân đội ta hiện nay*. Tạp chí Triết học, số 3, tr 54-55.

[6] Ngô Minh Tuấn (2011). *Xây dựng mối quan hệ qua lại tích cực giữa cán bộ - chiến sĩ trong tập thể quân nhân*. NXB Quân đội Nhân dân.

Thiết kế và sử dụng tình huống...

(Tiếp theo trang 50)

ức chế tuyến yên và vùng dưới đồi tiết FSH, LH, GnRH. Nồng độ FSH và LH thấp làm trứng không chín và rụng. Do đó tránh được quá trình thụ tinh, thụ thai.

- HS thảo luận kết quả, đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá kết quả đạt được.

- HS đề xuất vấn đề mới: Ngoài biện pháp sử dụng viên uống tránh thai hằng ngày, còn có những biện pháp tránh thai nào nữa?

Đặc trưng cơ bản của phương pháp dạy học QGVĐ là HS được đặt vào một loạt những bài toán nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết chứ không phải được thông báo ở dạng tri thức có sẵn; HS tiếp nhận mâu thuẫn của bài toán như mâu thuẫn của nội tâm, nên xuất hiện trạng thái tâm lí về nhu cầu nhận thức. Vì vậy, trong quá trình dạy học, HS lĩnh hội kiến thức một cách tự giác, tích cực và chủ động. □

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Bá Hoàn (2000). *Phát triển các phương pháp học tập tích cực trong bộ môn Sinh học*. NXB Giáo dục.

[2] Phan Trọng Ngọ (2006). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] V. Ôkôn (1976). *Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề*. NXB Giáo dục.

[4] Nguyễn Huy Tú (1992). *Mấy cấp độ trong dạy học nêu vấn đề*. Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 2 tr 21- 23.

[5] Lê Đình Tuấn (chủ biên) (2011). *Sinh học 11*. NXB Giáo dục Việt Nam.